TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 55/2017/HSST
Ngày: 09/11/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Anh Dũng;

Bà Ngô Thị Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên toà**:** Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động;

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSST ngày 02/10/2017 đối với:

Bị cáo: Trần Đình Q, sinh năm 1979 tại Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Đình C và bà Trần Thị T; có vợ: Nguyễn Thị H và 2 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 16 tháng 6 năm 2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kim Động; có mặt.

- Người bị hại:

Anh Đỗ Văn T; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Thanh H; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 03/5/2017, Trần Đình Q rủ một một số người bạn để đi chơi ở Nghệ An, do trước đây có thời gian lái xe taxi nên Q ý định thuê xe để tự lái. Cùng ngày Q đến nhà chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 là người cùng thôn để thuê xe ô tô tự lái nhưng không còn xe để thuê, chị T giới thiệu Q cho anh Đỗ Văn T, sinh năm 1989, ở thôn Đ, xã V, huyện K để Q và anh T thỏa thuận thuê xe. Đến khoảng 12 giờ ngày 04/5/2017, anh T đi cùng người bạn là anh Nguyễn Văn Q đến nhà chị T để gặp Q. Tại đây, Q thỏa thuận hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA-G, biển số: 29Y-3499 của anh T, với giá 900.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ ngày 04/5/2017 đến ngày 14/5/2017, tổng số tiền thuê là 9.000.000 đồng. Anh T nhất trí và nhờ chị T viết hộ hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái, để anh T và Q cùng ký nhận rồi giao xe ô tô INNOVA biển số: 29Y-3499, cùng các giấy tờ xe gồm: 01 đăng ký xe ô tô; 01 sổ kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều mang tên ông Đỗ Doãn L cho Q nhận, Q đưa cho T hộ chiếu mang tên Q và hẹn anh T khi nào trả xe sẽ trả tiền. Sau đó, anh T nhờ chị T quản lý giúp hợp đồng thuê xe và hộ chiếu trên.

Sau khi thuê được xe ô tô Q đã sử dụng xe để đi lại, đến ngày 08/5/2017, khi Q đi ăn sáng tại thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tại đây Q đã gặp anh Lê Thanh H, sinh năm 1983, ở thôn T, xã H. Q nghe thấy anh H nói muốn tìm mua xe ô tô để làm dịch vụ, nên Q nói với anh H là muốn bán xe ô tô INNOVA biển số: 29Y-3499 đang đi, Q không nói cho H biết là xe đang thuê lại. Thấy vậy, anh H đồng ý xem xe, khi đó Q nói giá bán chiếc xe ô tô trên là 260.000.000đồng thì anh H nhất trí mua lại với giá trên và yêu cầu Q hoàn tất bàn giao giấy tờ xe và hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 11/5/2017, Q đã viết giấy bán xe ô tô trên rồi đến gặp chị T nói dối là đã điện thoại hỏi anh T đồng ý cho Q mượn lại quyển hộ chiếu nên chị T đã đưa hộ chiếu cho Q. Sau đó Q mang giấy bán xe viết tay, cùng các giấy tờ xe gồm: đăng ký xe; giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô và hộ chiếu đến Ủy ban nhân dân xã N xin xác nhận của ông Đỗ Thành C, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã vào giấy rồi Q đi xe ô tô đến nhà anh H nhận tiền, bàn giao xe và giấy tờ ô tô trên cho anh H. Q nhận toàn bộ số tiền bán xe từ vợ, chồng anh H là 260.000.000đ. Sau khi nhận được tiền bán xe trên theo Q khai nhận đã sử dụng để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 14/5/2017, theo như hợp đồng Q phải trả xe, anh T gọi điện nhiều lần để lấy xe nhưng không liên lạc được với Q và được biết Q đã bán trái phép xe ô tô đã thuê của mình cho người khác. Vì đã bán xe trái phép, sử dụng hết tiền bán xe không có khả năng trả lại xe cho anh T nên Q đã trốn khỏi địa phương.

Ngày 05/6/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Kim Động đã quản lý tài sản và các giấy tờ do anh Lê Thanh H giao nộp gồm: 01 xe ô tô INNOVA biển số: 29Y-3499; 01 đăng ký xe ô tô mang tên ông Đỗ Doãn L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm của xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 29Y-3499; và 01 giấy mua bán xe giữa anh H với Q có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh.

Tại bản Kết luận định giá số 18/HĐĐG-KL ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Động, kết luận: Chiếc xe ô tô

biển số 29Y-3499; nhãn hiệu TOYOTA INNOVA-G; số máy: 6289644; số khung: 669204322, có giá trị là 410.000.000 đồng.

Sau khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 14/6/2017 Trần Đình Q đã đến Cơ quan Điều tra Công an huyện để khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng của vụ án: Đối với xe ô tô nhãn hiệu INNOVA, và các giấy tờ xe: 01 đăng ký xe; 01 kiểm định và 01 giấy bảo hiểm của xe mang tên ông Đỗ Doãn L và hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh T và ông L. Xác định là tài sản đã được ông L chuyển nhượng, chuyển giao hợp pháp cho anh T, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T xe ô tô và toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đỗ Văn T đã được trả lại xe ô tô và giấy tờ xe, anh T không đề nghị bồi thường gì khác, đồng thời cũng không yêu cầu buộc Q phải thanh toán số tiền 9.000.000đồng phát sinh từ hợp đồng thuê xe ô tô. Đối với số tiền 260.000.000 đồng vợ chồng anh H đã thanh toán cho Q, chị H đã trả lại toàn bộ cho vợ chồng anh H. Các anh T, H đều đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Đình Q.

Tại bản cáo trạng số 55/QĐ-VKS-HS ngày 02/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Trần Đình Q về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà:

- Bị cáo Trần Đình Q đã thành khẩn nhận tội và khai nhận: Ngày 04/5/2017, bị cáo đã hợp đồng thuê xe ôtô tự lái của anh Đỗ Văn T để sử dụng, nhưng do làm ăn thua lỗ cần đến tiền nên ngày 11/5/2017 bị cáo đã bán xe ô tô của của anh T lấy tiền sử dụng cá nhân rồi trốn khỏi địa phương. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố; nêu và phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 - Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Đình Q; đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Qua phần xét hỏi, Hội đồng xét xử thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người liên quan tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Hợp đồng thuê xe ô tô; Giấy bán xe; Kết luận định giá tài sản, đủ căn cứ kết luận:

Ngày 04/5/2017, bị cáo Trần Đình Q đã lợi dụng lòng tin của anh Đỗ Văn T để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA-G, có giá trị là 410.000.000 đồng, sau khi nhận được tài sản thuê theo hợp đồng, nhưng do làm ăn thua lỗ cần đến tiền nên ngày 11/5/2017 bị cáo đã bán xe ô tô của của anh T lấy tiền sử dụng cá nhân rồi trốn khỏi địa phương. Hành vi của bị cáo Trần Đình Q phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với động cơ tư lợi muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ là: Cùng gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo; sau khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ngày 14/6/2017, bị cáo đã đến Cơ quan Điều tra – Công an huyện để khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Trần Đình C tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đình Q được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 05 năm đến 12 năm tù, nhẹ hơn so với khung hình phạt của điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự hiện hành. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, cần áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo để quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội lần đầu và không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không xử phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, người bị hại là anh Đỗ Văn T đã được trả lại xe ô tô và giấy tờ xe, anh T không đề nghị bồi thường gì khác, đồng thời cũng không yêu cầu buộc Q phải thanh toán số tiền 9.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng thuê xe ô tô. Đối với khoản tiền 260.000.000 đồng vợ chồng anh H đã trả cho bị cáo khi mua xe, chị H (vợ bị cáo) đã dùng tiền của vợ chồng để khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ cho vợ chồng anh H. Nay không có người nào có yêu cầu gì khác. Vì vậy không có gì phải giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Trần Đình Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình Q phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trần Đình Q.

Xử phạt Trần Đình Q 03 (ba) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị bắt tạm giam: 16 tháng 6 năm 2017.

Về án phí: Bị cáo Trần Đình Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Hưng